

Bản án số: 37/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 29/3/2023.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan A.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn T

Bà Nguyễn Thị T

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N - Thư ký TAND TP T.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXX - ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 và QĐ hoãn phiên tòa số 35/QĐ - HPT ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Anh T - Sinh năm 1982

Nơi cư trú: Phố Phú, phường Đ, thành phố T, tỉnh T

Bị đơn: Chị Phan Thị Đ - Sinh năm 1996

Nơi ĐKNKTT tại: Xóm L, xã H, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: Phố 3, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Phạm Anh T trình bày:

Anh và cô Phan Thị Đ tự nguyện kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ có nhiều biểu hiện của sự không chung thủy, do vợ

không thể sinh đẻ được nữa, khả năng sinh sản hiện tại của anh rất tốt và rất khao khát có thêm con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một lớn, tuy nhiên để tránh việc ly hôn thì anh đã tự bỏ tiền túi của riêng mình để đi xin trứng của người phụ nữ khác để tạo ra phôi và cấy phôi đó vào trong cơ thể vợ. Do vợ không tha thiết muốn có con chung cùng với anh, nên họ đã có các hành động không phù hợp như không đứng ra để cùng anh lo liệu tài chính trong quá trình tìm con, cấy phôi xong chị đã chuyển về nhà riêng ở và tắt camera an ninh để không ai có thể biết chị sinh hoạt ra sao.... Do vậy sau 2 lần cấy phôi đều thất bại. Bên cạnh đó do tuổi tác của anh ngày một nhiều, sức khỏe ngày một đi xuống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích ly hôn không đạt được nên anh làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với cô Đ.

Về con chung: Anh T và chị Đ chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn chị Phan Thị Đ, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ và thông báo các phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để chị Đ đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình đối với đơn khởi kiện của anh T, nhưng chị Đ đều vắng mặt không đến Tòa án để trình bày và không khai báo, gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đã thu thập tài liệu và thực hiện đầy đủ các bước trình tự tố tụng đối với bị đơn cố tình không khai báo.

* Tại phiên tòa hôm nay: Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị Đ. Về con cái, tài sản và công nợ chung không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Tòa án và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết cũng như xét xử vụ án. Về đường lối: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn của anh T về việc xin ly hôn chị Đ. Về con cái, tài sản và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và công bố các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Phạm Anh T có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là chị Phan Thị Đ. Do đó đây là vụ án ly hôn nên theo quy định tại khoản 1

Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị Phan Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] **Về hôn nhân:** Anh Phạm Anh T và chị Phan Thị Đ kết hôn với nhau năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm cách sống của hai người không hợp, không có con, nên vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm và ly thân từ cuối năm 2021 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, chị Đ có nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày bản tự khai và thông báo các phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án, nhưng các lần đều không có mặt tại Tòa án theo như thời gian thông báo trong giấy, nhưng chị Đ vẫn cố tình không khai báo, vì vậy Tòa án phải lập các biên bản để có cơ sở giải quyết theo quy định của pháp luật, điều này chứng tỏ chị Đ không có thiện chí đoàn tụ.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng có mâu thuẫn, còn nguyên nhân cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được và thực tế theo anh T trình bày vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc, nghĩ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ xử cho anh Phạm Anh T được ly hôn chị Phan Thị Đ.

[3] **Về con cái:** Anh T và chị Đ chưa có con chung, nên miễn xét.

[4] **Về tài sản và công nợ chung:** Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh T.

[5] **Về án phí:** Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Anh T được ly hôn chị Phan Thị Đ.

- Về con chung: Anh T và chị Đ chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2021/0002437 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá (anh T đã nộp đủ án phí DSST).

Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án sơ thẩm./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- UBND phường Đ, TPTH;
- Lưu hồ sơ .

Nguyễn Thị Lan A